

Gia Lai, ngày 12 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Tư.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Tư xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 với một số nội dung cụ thể như sau:

I. Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 được Chính phủ giao là 4.570 tỷ đồng; Hội đồng nhân dân giao 5.200 tỷ đồng.

Số quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 là 4.582,38 tỷ đồng (*không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên*), đạt 100,3% dự toán Chính phủ giao, đạt 88,1% dự toán Hội đồng nhân dân giao và bằng 100,6% so với năm trước.

1. Các khoản thu đạt khá so với dự toán Hội đồng nhân dân giao: Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 109,7%; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 130,3%; thuế bảo vệ môi trường đạt 102,1%; phí lê phí đạt 100,5%; thu tiền thuê mặt đất mặt nước 243,7%; thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 103,1% và thu khác ngân sách đạt 106,0%.

2. Các khoản thu chưa đạt so với dự toán Hội đồng nhân dân giao: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý đạt 81,6%; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 86,3%; lệ phí trước bạ đạt 72,2%; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 96,5%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 84,8%; thu tiền sử dụng đất đạt 75,3%; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 96,8%; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 77,6%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 30,7%.

II. Quyết toán chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương được Chính phủ giao là 12.923,1 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 13.633,1 tỷ đồng.

Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2020 là 15.259,3 tỷ đồng; nếu loại trừ khoản chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021, số quyết toán chi ngân sách địa phương là 13.760,8 tỷ đồng, bằng 100,9% so dự toán Hội đồng nhân dân giao năm 2020.

Để đảm bảo thực hiện đúng các qui định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản qui định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 với các số liệu tổng hợp như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn :	4.582.386	triệu đồng (không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên); gồm:
- Thu ngân sách trung ương:	591.291	-
- Thu ngân sách địa phương:	3.991.094	-
2. Tổng thu ngân sách địa phương:	16.581.996	triệu đồng
- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:	3.991.094	-
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang:	2.010.492	-
- Thu kết dư ngân sách:	1.077.229	-
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	9.332.885	-
- Thu từ cấp dưới nộp lên	149.048	-
- Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của CP	21.248	-
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	15.259.314	triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	3.763.375	-
- Chi thường xuyên:	9.523.781	-
- Chi trả lãi các khoản vay	121	-
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	131.302	-
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	1.498.451	-
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	311.284	-
- Chi trả nợ gốc vay của NSDP:	31.000	-
4. Kết dư ngân sách địa phương (2)-(3):	1.322.682	triệu đồng
- Ngân sách cấp tỉnh:	685.955	-
- Ngân sách cấp huyện:	464.480	-
- Ngân sách xã:	172.246	-
5. Quỹ dự trữ tài chính địa phương:		
a. Số dư đầu năm:	<u>655.664</u>	-
b. Tăng trong năm:	<u>7.367</u>	-
- Trích bổ sung từ NSDP năm 2020:	1.400	-
- Lãi tiền gửi Kho Bạc:	5.967	-
c. Số sử dụng trong năm:	<u>0</u>	-
d. Số dư 31/12/2020:	<u>663.031</u>	-

III. Nội dung báo cáo HĐND tỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán

Theo kiến nghị của Kiểm toán khu vực XII: “Đề nghị UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến đối với việc UBND tỉnh, UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai chưa trích 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020”. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định như sau:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Tại báo cáo số 169/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Theo đó, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh do hụt thu ngân sách tỉnh năm 2020 nên đề nghị không trích 30% tiền sử dụng đất về Quỹ phát triển đất theo dự toán giao (và trong dự

toán năm 2021, ngân sách tỉnh không bố trí kinh phí trích 30% tiền sử dụng đất của năm 2020 về Quỹ Phát triển đất). Do đó, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho phép UBND tỉnh không trích 30% tiền sử dụng đất năm 2020.

- Đối với UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai: Năm 2020, có 14/17 huyện, thị xã đã nộp trích nộp 30% tiền sử dụng đất ngân sách huyện về Quỹ phát triển đất theo đúng quy định. Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, giao UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai bố trí nguồn nộp đủ 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Tư xem xét, thông qua để Uỷ ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện theo đúng quy định./.

Noi nhận: v/v.

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Phước Thành





BÁO CÁO THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH

ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số /TT-UBND ngày /11/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 với các nội dung như sau:

I. Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 được Chính phủ giao là 4.570 tỷ đồng; Hội đồng nhân dân tỉnh giao 5.200 tỷ đồng.

Số quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 là 4.582,38 tỷ đồng (*không kể thu chuyên giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên*), đạt 100,3% dự toán Chính phủ giao, đạt 88,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao và bằng 100,6% so với năm trước.

Cụ thể, các khoản thu đạt khá và chưa đạt so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao như sau:

1. Các khoản thu đạt khá so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 109,7%, nguyên nhân chủ yếu phát sinh thuế từ bán thanh lý gỗ của các công ty Lâm nghiệp, Hạt Kiểm lâm (*tăng thu thuế GTGT & thuế tài nguyên*).

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 130,3%. Nguyên nhân năm 2020 giá thịt lợn tăng cao dẫn đến số nộp của Công ty CP Chăn nuôi tăng đột biến hơn 15 tỷ đồng, đã bù đắp được các khoảng giảm thu của khu vực DN có vốn ĐTN.

- Thuế bảo vệ môi trường đạt 102,1%,

- Phí lệ phí đạt 100,5%;

- Thu tiền thuê mặt đất mặt nước 243,7%. Nguyên nhân chủ yếu: thu nợ tiền thuê đất các dự án đã giao đất cho nhà đầu tư năm 2019 (*nhiều: Công ty CP FLC & Công ty Bossco nộp 60,3 tỷ*), truy thu tiền thuê đất từ năm 2016-2019 do điều chỉnh đơn giá thuê đất của các doanh nghiệp ở các huyện Chu Prông, Chu Sê, Mang Yang; Công ty Coopmart nộp tiền thuê đất tại 29 Nguyễn Văn Cừ.

- Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 103,1%

- Thu khác ngân sách đạt 106,0%.

2. Các khoản thu chưa đạt so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý đạt 81,6%. Nguyên nhân do tác động của đại dịch Covid-19 hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bị ngưng trệ; diễn biến thất thường của thời tiết (*hạn*

hán đã ảnh hưởng sản lượng phát điện các công ty thủy điện đạt thấp so với tiến độ dự toán, giảm so với cùng kỳ).

- Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 86,3%. Nguyên nhân ảnh hưởng đại dịch Covid-19 các tổ chức, cá nhân tạm ngừng, nghỉ kinh doanh; thời tiết khô hạn, số thu của các công ty thủy điện không đạt dự toán giao và hoạt động sản xuất giảm mạnh, sức tiêu thụ hàng hóa giảm và một phần các doanh nghiệp được gia hạn nộp tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số: 41/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lệ phí trước bạ đạt 72,2%, nguyên nhân do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, chuyển nhượng ô tô, xe máy giảm mạnh và một phần thực hiện chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ đối với xe ô tô lắp ráp trong nước.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 96,5%;

- Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 84,8%, nguyên nhân chủ yếu giảm thuế TNCN của hộ cá nhân kinh doanh.

- Thu tiền sử dụng đất đạt 75,3%. Mặc dù chịu tác động của tình hình dịch bệnh, nhưng các địa phương đã tập trung triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, đấu giá đất, thu tiền sử dụng đất. Tuy nhiên một số dự án đấu giá đất, giao đất của tỉnh đã tính trong dự toán nhưng chưa triển khai nên chưa đảm bảo tiền độ tiền sử dụng đất theo dự toán đã được HĐND tỉnh giao như: Khu đất KS Sê san-Trụ sở cũ Công ty nước Gia Lai; biệt thự khu A-Khu phức hợp huyện Đak Đoa; trung tâm trung bày & bảo trì ôtô Chư Hdrông; các dự án chuyển tiếp (phần còn lại): dự án Khu phố mới Hoa Lư-Phù Đổng, dự án khu đô thị cầu sắt, dự án khu dân cư SH land.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 96,8%;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 77,6%;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 30,7%. Nguyên nhân phát sinh chủ yếu từ thuế GTGT của mặt hàng mủ cao su tự nhiên nhập khẩu, mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định và thu từ công tác kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp. Trong thời gian những năm trước đây, tại địa bàn tỉnh Gia Lai mặt hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu là mặt hàng mang lại nguồn thu NSNN chiếm tỷ trọng chủ yếu (*chiếm tỷ lệ trên 80% tổng số thu xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Gia Lai*), tuy nhiên Chính phủ Campuchia thực hiện lệnh cấm xuất khẩu nên nguồn thu từ mặt hàng này hầu như không phát sinh. Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện lớn trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã đi vào hoàn thiện. Ngoài ra, có một số dự án ưu đãi đầu tư phát sinh nhưng doanh nghiệp không làm thủ tục nhập khẩu tại địa bàn mà làm tại các cửa khẩu, cảng nơi có hàng hóa.

II. Quyết toán chi ngân sách địa phương:

- Tổng chi ngân sách địa phương được Chính phủ giao là 12.923,1 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 13.633,1 tỷ đồng.

- Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2020 là 15.259 tỷ đồng; nếu loại trừ khoản chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021, số quyết toán chi ngân sách địa phương là 13.760,8 tỷ đồng, bằng 100,9% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2020. Trong đó:

+ Chi Sư nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề đạt khoảng 102,5% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt khoảng 76,08% so với dự toán HĐND tỉnh giao. Do một số nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2021 để tiếp tục thực hiện theo quy định tại văn bản số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính.

- Tổng chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 là 1.498.451 triệu đồng, giảm hơn so với năm 2019 là 512.041 triệu đồng, trong đó chủ yếu giảm chi đầu tư phát triển là 267.880 triệu đồng; Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 giảm 239.630 triệu đồng.

III. Kết dư ngân sách địa phương: 1.322.682 triệu đồng. Gồm:

- + Ngân sách cấp tỉnh: 685.955 triệu đồng (*có biểu phân tích kết dư kèm theo*)
- + Ngân sách cấp huyện: 464.480 triệu đồng
- + Ngân sách cấp xã: 172.246 triệu đồng

IV. Báo cáo kết quả khắc phục kết luận kiểm toán năm 2019, 2020

1. Năm 2019

Số kiến nghị do Kiểm toán Nhà nước xác định số tiền 428.902.527.000 đồng, gồm: Kiến nghị xử lý tài chính 390.201.057.000 đồng; Giảm lỗ của Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai 15.350.297.000 đồng; kiến nghị khác 23.351.173.000 đồng. Trong đó:

- Số đã khắc phục: 396.045.386.880 đồng, đạt tỉ lệ 92,3%;
- Số chưa khắc phục: 32.857.140.120 đồng.

(Bảng tổng hợp kiến nghị KTNSDP năm 2019 của tỉnh Gia Lai kèm theo)

2. Năm 2020

1. Số kiến nghị năm 2020 về xử lý các khoản chênh lệch thu, chi NSNN, các khoản phải nộp, các khoản xuất toán do Kiểm toán Nhà nước xác định số tiền 513.521.295.000 đồng, gồm

- Kiến nghị xử lý tài chính, số tiền 316.629.140.000 đồng
- Kiến nghị khác số tiền 196.892.155.000 đồng

Để đảm bảo các kiến nghị, xử lý sai phạm qua kiểm toán theo đúng tiến độ, thời gian quy định. Ngày 22/10/2021, UBND tỉnh đã có Quyết định số 733/QĐ-UBND ban hành kế hoạch thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Gia Lai, trong đó chỉ đạo cụ thể các cơ quan đơn vị thực hiện khắc phục kết luận kiểm toán, phân công trách nhiệm từng sở, ngành địa phương bảo đảm tiến độ khắc phục của UBND tỉnh giao.

2. Số chênh lệch quyết toán NSDP năm 2020 so với số liệu kiểm toán xác định

Thời điểm tổng hợp số liệu của Kiểm toán khu vực 12 đối với ngân sách năm 2020 của tỉnh Gia Lai là ngày **10/6/2021** đến **08/8/2021**.

Trong khoảng thời gian từ ngày **08/8/2021** đến **25/10/2021**, các đơn vị và địa phương đã phối hợp với KBNN và Sở Tài chính đối chiếu, rà soát số liệu và thực hiện điều chỉnh số thu, chi ngân sách năm 2020 của một số chỉ tiêu như: Điều

chỉnh số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh; điều chỉnh số chi chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020; điều chỉnh chi đầu tư phát triển; điều chỉnh chi thường xuyên của các đơn vị dự toán cấp tỉnh do chưa đủ hồ sơ quyết toán năm 2020...

V. Nội dung báo cáo HĐND tỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2020

Theo kiến nghị của Kiểm toán khu vực XII: “*Đề nghị UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến đối với việc UBND tỉnh, UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai chưa trích 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020*”. UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định như sau:

Trên cơ sở Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh. Sau khi có Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 và Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, kinh phí tiền sử dụng đất kế hoạch năm 2020 trích nộp 30% quỹ phát triển đất của tỉnh với số tiền: 177.480 triệu đồng, gồm: Ngân sách cấp tỉnh: 120.690 triệu đồng; ngân sách huyện: 56.700 triệu đồng.

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Tại báo cáo số 169/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Theo đó, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh do hụt thu ngân sách tỉnh năm 2020 nên đề nghị không trích 30% tiền sử dụng đất về Quỹ phát triển đất theo dự toán giao (và trong dự toán năm 2021, ngân sách tỉnh không bố trí kinh phí trích 30% tiền sử dụng đất của năm 2020 về Quỹ Phát triển đất). Do đó, kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho phép UBND tỉnh không trích 30% tiền sử dụng đất năm 2020

- Đối với UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai: Năm 2020 có 14/17 huyện, thị xã đã nộp trích nộp 30% tiền sử dụng đất ngân sách huyện về Quỹ phát triển đất theo đúng quy định. Kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, giao UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai bố trí nguồn nộp đủ 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020./.

BIEU TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KTNN NSDP NĂM 2019 CỦA TỈNH GIA LAI



Đơn vị tính: Đồng

Kiến nghị KTNN	Số kiến nghị	Số đã khắc phục	Số chưa khắc phục	Tỉ lệ %
TỔNG CỘNG	428.902.527.000	396.045.386.880	32.857.140.120	92,3
a Xử lý tài chính	390.201.057.000	375.681.992.880	14.519.064.120	96,3
1 Tăng thu NSNN	243.411.000	243.411.000	0	100,0
2 Thu hồi chi sai	1.427.314.000	1.427.314.000	0	100,0
3 Giảm dự toán, thanh toán năm sau	169.671.065.000	158.338.072.000	11.332.993.000	93,3
4 Thu hồi kinh phí thừa	196.942.922.000	196.450.421.880	492.500.120	99,7
5 Giảm giá trị hợp đồng	20.507.095.000	17.887.924.000	2.619.171.000	87,2
6 Bổ trí hoàn trả nguồn	1.409.250.000	1.334.850.000	74.400.000	94,7
b Giảm lỗ	15.350.297.000	15.350.297.000	0	100,0
c Kiến nghị khác	23.351.173.000	5.013.097.000	18.338.076.000	21,5

SƠ CHÊNH LỆCH QUYẾT TOÁN NSDP NĂM 2020 SO VỚI SỔ LIỆU KIỂM TOÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

PHẦN THU	Số quyết toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	PHẦN CHI	Số quyết toán	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=1-2	B	4	5	6=4-5
Tổng số thu (A+B)	24.740.053	24.740.073	(20)	Tổng số chi (A+B)	23.417.371	22.907.478	509.893
A. Tổng thu cân đối ngân sách	24.718.806	24.718.825	(20)	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	23.386.371	22.876.478	509.893
1. Các khoản thu NSDP hường 100%	2.010.057	2.010.057	-	1. Chi đầu tư phát triển	3.763.375	3.778.229	(14.854)
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	1.981.037	1.981.037	-	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	121	121	-
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	3. Chi thường xuyên	9.523.781	9.527.308	(3.527)
4. Thu kết dư năm trước	1.077.229	1.077.229	-	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	131.302	1.400	129.902
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	2.010.492	2.010.492	-	5. Chi nộp ngân sách Trung ương	8.158.057	8.158.057	-
6. Thu viện trợ	-	-	-	6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	1.498.451	1.100.078	398.373
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17.490.942	17.490.962	(20)	7. Chi nộp lên ngân sách cấp trên	311.284	311.284	-
Trong đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	11.979.024	11.979.024	-				
- Bổ sung có mục tiêu	5.511.918	5.511.937	(20)				
8. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên và thu hỗ trợ từ địa phương khác (nếu có)	149.048	149.048	-				
Kết dư ngân sách năm quyết toán (=thu-chi)¹	1.322.682	1.842.347	(519.665)				
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)	21.248	21.248	-	B. Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)	31.000	31.000	-
1. Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của Chính phủ	21.248	21.248	-	1. Chi trả nợ gốc vay thực hiện chương trình KCHKM>NT từ nguồn kết dư ngân sách tỉnh	31.000	31.000	-
			-	2. Chi từ nguồn khác (vốn huy động uy thác)	-	-	-

Ghi chú: Kết dư ngân sách năm quyết toán (= thu-chi) theo sổ kiểm toán là kết dư thu cân đối (chưa cho số liệu vay và chi trả gốc).

PHÂN TÍCH KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2020

Đơn vị tính: Đồng

STT	1 2 NỘI DUNG	3 SỐ TIỀN	4 GHI CHÚ
	15		
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH.	13.639.323.735.013	
1	Thu NS tỉnh hưởng theo phân cấp.	2.435.809.502.194	
2	Thu bồ sung từ NSTW.	9.332.884.822.950	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước.	363.871.054.224	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước.	1.349.560.013.290	
5	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên.	135.950.571.348	
6	Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của Chính phủ.	21.247.771.007	
7	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH.	12.953.368.259.445	
1	Chi đầu tư phát triển	1.946.488.710.596	
2	Chi thường xuyên	3.146.078.369.590	
3	Chi bồ sung Quỹ Dự trữ Tài chính địa phương.	131.301.877.000	
4	Chi bồ sung cho ngân sách cấp dưới.	6.389.031.853.306	
5	Chi chuyển nguồn năm sau	1.147.110.247.561	
6	Chi nộp ngân sách cấp trên	162.235.860.649	
7	Chi trả nợ gốc vay thực hiện chương trình KCHKM>NT từ nguồn tăng thu.	31.000.000.000	
8	Chi trả nợ lãi	121.340.743	
C	KẾT DƯ (A-B)	685.955.475.568	
D	CÁC KHOẢN LOẠI TRỪ KHÔNG TÍNH KẾT DƯ.	685.955.475.568	
I	Kinh phí trung ương bồ sung có mục tiêu nhiệm vụ, Chương trình MTQG còn lại chưa chi, kinh phí còn nhiệm vụ chi	685.955.475.568	
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM	34.893.866.278	
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	5.026.687.259	
1.3	KP bồ sung thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ	646.034.922.031	

Hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí	112.127.276.344
Chính sách nội trú đối với HS, SV học cao đẳng, trung cấp	10.794.562.000
Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm về an toàn lao động	4.327.474.644
Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	459.370.000
Chương trình giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số vùng khó khăn	2.722.238.000
Chính sách trợ giúp pháp lý	153.765.330
Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin truyền thông	0
Chương trình mục tiêu y tế - dân số	1.747.767.188
Kinh phí chương trình mục tiêu lâm nghiệp bền vững	1.265.219.276
Hỗ trợ kinh phí sản phẩm, dịch vụ công ích thùy lợi	1.304.010.540
KP hỗ trợ các công ty lâm nghiệp dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên năm 2015, 2016	8.000
Kinh phí Cắm mốc biên giới của Ban Chỉ huy quân sự tỉnh	40.288.615.575
Quỹ Bảo trì đường bộ	1.137.911.165
Kinh phí mua thẻ BHYT	31.759.160.230
Kinh phí thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.	64.509.000.000
Số vốn thuộc kế hoạch vốn năm 2020 và các năm trước đã hết thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định tại Khoản 1 Điều 76 Luật Đầu tư công.	22.088.952.010
Kinh phí hỗ trợ người có công khó khăn về nhà ở còn dư không được chuyển nguồn theo quy định tại Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019.	431.312.000
Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã theo Quyết định số 124/QĐ-TTg	4.903.818.214
Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú (hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo ND 116/2016/NĐ-CP) và Kinh phí thực hiện hỗ trợ học sinh bán trú và trường PTDT bán trú (quyết định 85/2010/QĐ-TTg)	6.739.836.116
Chênh lệch học bông học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGDDT	10.062.012.715
KP chi trả học bông hỗ trợ mua sắm phương tiện và đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo TTLT 42	7.479.080.378
Tiền ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi	63.739.455.473
Hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người DTTS theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg	2.363.782.000
KP thực hiện chính sách BTXH	14.441.802.750
KP hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ	4.600.000.000
Hỗ trợ kinh phí cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	810.440.600
KP khắc phục hạn bão số 12 năm 2017	35.000
Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô	728.511.500



Chương trình mục tiêu Văn hóa	171.323.466
Kinh phí Đảm bảo trật tự an toàn giao thông	1.960.214.057
Kinh phí phòng chống tội phạm, ma túy	7.873.000
Kinh phí hỗ trợ an ninh quốc phòng	210.005.000
Kinh phí thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg năm 2017, 2018, 2019, 2020	38.483.000.000
Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	4.145.886.500
Kinh phí cải tạo môi trường bãi rác sinh hoạt TP Pleiku còn tồn năm 2020	32.981.000.000
Hỗ trợ tổ chức đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số	740.000.000
Hỗ trợ thực hiện một số đề án, dự án KHCN	91.457.700
KP thực hiện đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống nhất trong vùng DTTS giai đoạn 2015-2025:	10.126.000
Kinh phí Đại hội Đảng (Văn phòng Tỉnh ủy chưa chi hết)	5.622.876.837
Kinh phí chương trình 2085	7.500.000
Kinh phí tổ chức Công bố QĐ của TTCP công nhận TP Pleiku là đô thị loại 1	2.000.000
Kinh phí thực hiện hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	4.563.086.587
Hỗ trợ kinh phí năm 2018 thực hiện Chương trình MTQG phòng, chống bệnh lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020.	191.000.000
Kinh phí trả nợ vay	31.000.000.000
Vốn đầu tư CTMT QG giảm nghèo bối trí thu hồi vốn ứng trước ngân sách Trung ương	26.053.000.000
10% tăng thu tiền thuê đất ngân sách tỉnh hưởng để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSĐĐ	8.102.972.429
Bối trí hoàn trả nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại nơi địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản	2.942.000.000
Kinh phí bán tài sản trên đất của dự án sân gôn Đak Đoa theo Văn bản số 3189/VP-KTTH ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh	22.526.535.500

	Bố trí kinh phí đối với các khoản an sinh xã hội đề nghị Quyết toán từ năm 2017 đến năm 2020 nhưng Bộ TC chưa chấp nhận và đã trừ tồn quỹ năm 2021 của tỉnh (Tổng kinh phí Bộ TC chưa chấp nhận: Tổng số 109,550 tỷ đồng, theo dõi ở KP theo QĐ 102 của năm 2017, 2018: 33.928 tỷ đồng; còn lại: 75,622 tỷ đồng)	55.237.647.907	
E	KẾT ĐU THỰC (C-D)	0	

Số: /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Xét Tờ trình số /TT-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận, của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Gia Lai, với những nội dung như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn : 4.582.386 triệu đồng

(không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên, thu từ Quỹ dự trữ tài chính); gồm:

- Thu ngân sách trung ương:	591.291	-
- Thu ngân sách địa phương:	3.991.094	-

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 16.581.996 triệu đồng

- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:	3.991.094	-
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang:	2.010.492	-
- Thu kết dư ngân sách:	1.077.229	-
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	9.332.885	-
- Thu từ cấp dưới nộp lên	149.048	-
- Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của CP	21.248	-

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 15.259.314 triệu đồng

- Chi đầu tư phát triển:	3.763.375	-
- Chi thường xuyên:	9.523.781	-
- Chi trả lãi các khoản vay	121	-

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	131.302	-
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	1.498.451	-
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	311.284	-
- Chi trả nợ gốc vay của NSDP:	31.000	-

4. Kết dư ngân sách địa phương (2)-(3): 1.322.682 triệu đồng

- Ngân sách cấp tỉnh:	685.955	-
- Ngân sách cấp huyện:	464.480	-
- Ngân sách xã:	172.246	-

5. Quỹ dự trữ tài chính địa phương:

a. <u>Số dư đầu năm:</u>	<u>655.664</u>	-
b. <u>Tăng trong năm:</u>	<u>7.367</u>	-
- Trích bổ sung từ NSDP năm 2020:	1.400	-
- Lãi tiền gửi Kho Bạc:	5.967	-
c. <u>Số sử dụng trong năm:</u>	<u>0</u>	-
d. <u>Số dư 31/12/2020:</u>	<u>663.031</u>	-

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày tháng 12/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH

- Như điều 2;
- UBTW Quốc hội;
- VPQH; VPCP;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Tổng hợp;
- Lưu VT-TH.

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3441 /STC-QLNS

Gia Lai, ngày 15 tháng 10 năm 2021

V/v ký tờ trình đề nghị HĐND tỉnh
khóa XII, kỳ họp thứ 04 phê chuẩn
quyết toán ngân sách địa phương
năm 2020.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân Tỉnh

Thực hiện các qui định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản qui
định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Luật NSNN, Sở Tài chính đã tổng hợp báo cáo
quyết toán ngân sách năm 2020 theo đúng qui định. Các số liệu đã được đối chiếu
với Kho Bạc Nhà nước, đảm bảo khớp đúng.

Để đảm bảo qui định khi báo cáo Bộ Tài chính và trình Hội đồng nhân dân
Tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán ngân sách năm 2020, Sở Tài chính đã dự thảo
Tờ trình của Ủy ban nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân Tỉnh phê duyệt
quyết toán ngân sách năm 2020 (các biểu mẫu đính kèm).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét ký Tờ trình và các biểu mẫu
tổng hợp quyết toán ngân sách năm 2020 để trình Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi cho
Bộ Tài chính và Kiểm toán nhà nước, nhằm đảm bảo các qui định về công tác
quyết toán ngân sách./. TL

Nơi gửi:

- Như trên;
- Giám đốc và các PGD;
- Lưu VT, QLNS



Số: /TT-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 04.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 04 xem xét, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 với một số nội dung cụ thể như sau:

I. Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 được Chính phủ giao là 4.570 tỷ đồng; Hội đồng nhân dân giao 5.200 tỷ đồng.

Số quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 là 4.582,38 tỷ đồng (*không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên*), đạt 100,3% dự toán Chính phủ giao, đạt 88,1% dự toán Hội đồng nhân dân giao và bằng 100,6% so với năm trước.

1. Các khoản thu đạt khá so với dự toán Hội đồng nhân dân giao: thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 109,7%; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 130,3%; thuế bảo vệ môi trường đạt 102,1%; phí lệ phí đạt 100,5%; thu tiền thuê mặt đất mặt nước 243,7%; thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 103,1% và thu khác ngân sách đạt 106,0%.

2. Các khoản thu chưa đạt so với dự toán Hội đồng nhân dân giao: thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý đạt 81,6%; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 86,3%; lệ phí trước bạ đạt 72,2%; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 96,5%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 84,8%; thu tiền sử dụng đất đạt 75,3%; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 96,8%; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 77,6%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 30,7%.

II. Quyết toán chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương được Chính phủ giao là 12.923,1 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 13.633,1 tỷ đồng.

Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2020 là 15.259,3 tỷ đồng; nếu loại trừ khoản chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021, số quyết toán chi ngân

sách địa phương là 13.760,8 tỷ đồng, bằng 100,9% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2020.

Để đảm bảo thực hiện đúng các qui định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản qui định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, UBND tỉnh đề nghị HDND tỉnh xem xét phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 với các số liệu tổng hợp như sau:

1. <u>Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn :</u>	4.582.386	triệu đồng
(không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên); gồm:		
- Thu ngân sách trung ương:	591.291	-
- Thu ngân sách địa phương:	3.991.094	-
2. <u>Tổng thu ngân sách địa phương:</u>	16.581.996	triệu đồng
- Thu NSDP được hưởng theo phân cấp:	3.991.094	-
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang:	2.010.492	-
- Thu kết dư ngân sách:	1.077.229	-
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	9.332.885	-
- Thu từ cấp dưới nộp lên	149.048	-
- Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của CP	21.248	-
3. <u>Tổng chi ngân sách địa phương:</u>	15.259.314	triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	3.763.375	-
- Chi thường xuyên:	9.523.781	-
- Chi trả lãi các khoản vay	121	-
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	131.302	-
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	1.498.451	-
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	311.284	-
- Chi trả nợ gốc vay của NSDP:	31.000	-
4. <u>Kết dư ngân sách địa phương (2)-(3):</u>	1.322.682	triệu đồng
- Ngân sách cấp tỉnh:	685.955	-
- Ngân sách cấp huyện:	464.480	-
- Ngân sách xã:	172.246	-
5. <u>Quỹ dự trữ tài chính địa phương:</u>		
a. <u>Số dư đầu năm:</u>	<u>655.664</u>	-
b. <u>Tăng trong năm:</u>	<u>7.367</u>	-
- Trích bổ sung từ NSDP năm 2020:	1.400	-
- Lãi tiền gửi Kho Bạc:	5.967	-

c. <u>Số sử dụng trong năm:</u>	<u>0</u>
d. <u>Số dư 31/12/2020:</u>	<u>663.031</u>

III. Nội dung báo cáo HĐND tỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán

Theo kiến nghị của Kiểm toán khu vực XII: “*Đề nghị UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến đối với việc UBND tỉnh, UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai chưa trích 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020*”. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định như sau:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Tại báo cáo số 169/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Theo đó, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh do hụt thu ngân sách tỉnh năm 2020 nên đề nghị không trích 30% tiền sử dụng đất về Quỹ phát triển đất theo dự toán giao (và trong dự toán năm 2021, ngân sách tỉnh không bố trí kinh phí trích 30% tiền sử dụng đất của năm 2020 về Quỹ Phát triển đất). Do đó, kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho phép UBND tỉnh không trích 30% tiền sử dụng đất năm 2020

- Đối với UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai: Năm 2020 có 14/17 huyện, thị xã đã nộp trích nộp 30% tiền sử dụng đất ngân sách huyện về Quỹ phát triển đất theo đúng quy định. Kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, giao UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai bố trí nguồn nộp đủ 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 04 xem xét, thông qua để Uỷ ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện theo đúng quy định.
hg

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT-KTTH.

Số: /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận, của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Gia Lai, với những nội dung như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn : 4.582.386 triệu đồng
(không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên, thu từ Quỹ dự trữ tài chính); gồm:

- | | | |
|--|-------------------|------------|
| - Thu ngân sách trung ương: | 591.291 | - |
| - Thu ngân sách địa phương: | 3.991.094 | - |
| 2. Tổng thu ngân sách địa phương: | 16.581.996 | triệu đồng |

- | | | |
|--|-----------|---|
| - Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: | 3.991.094 | - |
| - Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: | 2.010.492 | - |
| - Thu kết dư ngân sách: | 1.077.229 | - |
| - Thu bổ sung từ ngân sách trung ương: | 9.332.885 | - |
| - Thu từ cấp dưới nộp lên | 149.048 | - |
| - Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của CP | 21.248 | - |

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 15.259.314 triệu đồng

- | | | |
|-------------------------------------|-----------|---|
| - Chi đầu tư phát triển: | 3.763.375 | - |
| - Chi thường xuyên: | 9.523.781 | - |
| - Chi trả lãi các khoản vay | 121 | - |
| - Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: | 131.302 | - |
| - Chi chuyển nguồn sang năm sau: | 1.498.451 | - |

- Chi nộp ngân sách cấp trên:	311.284	-
- Chi trả nợ gốc vay của NSDP:	31.000	-
4. Kết dư ngân sách địa phương (2)-(3):	1.322.682	triệu đồng
- Ngân sách cấp tỉnh:	685.955	-
- Ngân sách cấp huyện:	464.480	-
- Ngân sách xã:	172.246	-
5. Quỹ dự trữ tài chính địa phương:		
a. <u>Số dư đầu năm:</u>	<u>655.664</u>	-
b. <u>Tăng trong năm:</u>	<u>7.367</u>	-
- Trích bổ sung từ NSDP năm 2020:	1.400	-
- Lãi tiền gửi Kho Bạc:	5.967	-
c. <u>Số sử dụng trong năm:</u>	<u>0</u>	-
d. <u>Số dư 31/12/2020:</u>	<u>663.031</u>	-

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày tháng 12/2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH

- Như điều 2;
- UBTW Quốc hội;
- VPQH; VPCP;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Tổng hợp;
- Lưu VT-TH.

BÁO CÁO THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH

ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số /TT-UBND ngày /11/2021 của UBND tỉnh)

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về việc Ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm.

Ủy ban nhân dân tỉnh thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 với các nội dung như sau:

I. Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 được Chính phủ giao là 4.570 tỷ đồng; Hội đồng nhân dân giao 5.200 tỷ đồng.

Số quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 là 4.582,38 tỷ đồng (*không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên*), đạt 100,3% dự toán Chính phủ giao, đạt 88,1% dự toán Hội đồng nhân dân giao và bằng 100,6% so với năm trước.

Cụ thể, các khoản thu đạt khá và chưa đạt so với dự toán Hội đồng nhân dân giao như sau:

1. Các khoản thu đạt khá so với dự toán Hội đồng nhân dân giao:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 109,7%, nguyên nhân chủ yếu phát sinh thuế từ bán thanh lý gỗ của các công ty Lâm nghiệp, Hạt Kiểm lâm (*tăng thu thuế GTGT & thuế tài nguyên*).

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 130,3%. Nguyên nhân năm 2020 giá thịt lợn tăng cao dẫn đến số nộp của Công ty CP Chăn nuôi tăng đột biến hơn 15 tỷ đồng, đã bù đắp được các khoảng giảm thu của khu vực DN có vốn ĐTNN.

- Thuế bảo vệ môi trường đạt 102,1%,

- Phí lệ phí đạt 100,5%;

- Thu tiền thuê mặt đất mặt nước 243,7%. Nguyên nhân chủ yếu: thu nợ tiền thuê đất các dự án đã giao đất cho nhà đầu tư năm 2019 (*nhiều: Công ty CP FLC & Công ty Bossco nộp 60,3 tỷ*), truy thu tiền thuê đất từ năm 2016-2019 do điều chỉnh đơn giá thuê đất của các doanh nghiệp ở các huyện Chư Prông, Chư Sê, Mang Yang; Công ty Coopmart nộp tiền thuê đất tại 29 Nguyễn Văn Cừ.

- Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 103,1%

- Thu khác ngân sách đạt 106,0%.

2. Các khoản thu chưa đạt so với dự toán Hội đồng nhân dân giao:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý đạt 81,6%. Nguyên nhân do tác động của đại dịch Covid-19 hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bị ngưng trệ; diễn biến thất thường của thời tiết (*hạn*)

(hỗn đã ảnh hưởng sản lượng phát điện các công ty thủy điện đạt thấp so với tiến độ dự toán, giảm so với cùng kỳ).

- Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 86,3%. Nguyên nhân ảnh hưởng đại dịch Covid-19 các tổ chức, cá nhân tạm ngừng, nghỉ kinh doanh; thời tiết khô hạn, số thu của các công ty thủy điện không đạt dự toán giao và hoạt động sản xuất giảm mạnh, sức tiêu thụ hàng hóa giảm và một phần các doanh nghiệp được gia hạn nộp tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số: 41/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lệ phí trước bạ đạt 72,2%, nguyên nhân do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, chuyển nhượng ô tô, xe máy giảm mạnh và một phần thực hiện chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ đối với xe ô tô lắp ráp trong nước.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 96,5%;

- Thu thuế thu nhập cá nhân đạt 84,8%, nguyên nhân chủ yếu giảm thuế TNCN của hộ cá nhân kinh doanh.

- Thu tiền sử dụng đất đạt 75,3%. Mặc dù chịu tác động của tình hình dịch bệnh, nhưng các địa phương đã tập trung triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, đấu giá đất, thu tiền sử dụng đất. Tuy nhiên một số dự án đấu giá đất, giao đất của tinh đã tính trong dự toán nhưng chưa triển khai nên chưa đảm bảo tiến độ tiền sử dụng đất theo dự toán đã được HĐND tỉnh giao như: Khu đất KS Sê san-Trụ sở cũ Công ty nước Gia Lai; biệt thự khu A-Khu phức hợp huyện Đak Đoa; trung tâm trưng bày & bảo trì ôtô Chu Hdrông; các dự án chuyển tiếp (phần còn lại): dự án Khu phố mới Hoa Lư-Phù Đồng, dự án khu đô thị cầu sắt, dự án khu dân cư SH land.

- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 96,8%;

- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 77,6%;

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 30,7%. Nguyên nhân phát sinh chủ yếu từ thuế GTGT của mặt hàng mủ cao su tự nhiên nhập khẩu, mặt hàng máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định và thu từ công tác kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp. Trong thời gian những năm trước đây, tại địa bàn tỉnh Gia Lai mặt hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu là mặt hàng mang lại nguồn thu NSNN chiếm tỷ trọng chủ yếu (*chiếm tỷ lệ trên 80% tổng số thu xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Gia Lai*), tuy nhiên Chính phủ Campuchia thực hiện lệnh cấm xuất khẩu nên nguồn thu từ mặt hàng này hầu như không phát sinh. Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện lớn trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã đi vào hoàn thiện. Ngoài ra, có một số dự án ưu đãi đầu tư phát sinh nhưng doanh nghiệp không làm thủ tục nhập khẩu tại địa bàn mà làm tại các cửa khẩu, cảng nơi có hàng hóa.

II. Quyết toán chi ngân sách địa phương:

- Tổng chi ngân sách địa phương được Chính phủ giao là 12.923,1 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 13.633,1 tỷ đồng.

- Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2020 là 15.259 tỷ đồng; nếu loại trừ khoản chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021, số quyết toán chi ngân sách địa phương là 13.760,8 tỷ đồng, bằng 100,9% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2020. Trong đó:

+ Chi Sư nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề đạt khoảng 102,5% so với dự toán HĐND tỉnh giao

+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt khoảng 76,08% so với dự toán HĐND tỉnh giao. Do một số nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2021 để tiếp tục thực hiện theo quy định tại văn bản số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính.

- Tổng chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 là 1.498.451 triệu đồng, giảm hơn so với năm 2019 là 512.041 triệu đồng, trong đó chủ yếu giảm chi đầu tư phát triển là 267.880 triệu đồng; Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 giảm 239.630 triệu đồng.

III. Kết dư ngân sách địa phương: 1.322.682 triệu đồng. Gồm:

+ Ngân sách cấp tỉnh: 685.955 triệu đồng (*có biểu phân tích kết dư kèm theo*)

+ Ngân sách cấp huyện: 464.480 triệu đồng

+ Ngân sách cấp xã: 172.246 triệu đồng

IV. Báo cáo kết quả khắc phục kết luận kiểm toán năm 2019, 2020

1. Năm 2019

Số kiến nghị do Kiểm toán Nhà nước xác định số tiền 428.902.527.000 đồng, gồm: Kiến nghị xử lý tài chính 390.201.057.000 đồng; Giảm lỗ của Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai 15.350.297.000 đồng; kiến nghị khác 23.351.173.000 đồng. Trong đó:

- Số đã khắc phục: 396.045.386.880 đồng, đạt tỉ lệ 92,3%;

- Số chưa khắc phục: 32.857.140.120 đồng.

(*Bảng tổng hợp kiến nghị KTNSDP năm 2019 của tỉnh Gia Lai kèm theo*)

2. Năm 2020

1. Số kiến nghị năm 2020 về xử lý các khoản chênh lệch thu, chi NSNN, các khoản phải nộp, các khoản xuất toán do Kiểm toán Nhà nước xác định số tiền 513.521.295.000 đồng, gồm

- Kiến nghị xử lý tài chính, số tiền 316.629.140.000 đồng

- Kiến nghị khác số tiền 196.892.155.000 đồng

Để đảm bảo các kiến nghị, xử lý sai phạm qua kiểm toán theo đúng tiến độ, thời gian quy định. Ngày 22/10/2021, UBND tỉnh đã có Quyết định số 733/QĐ-UBND ban hành kế hoạch thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Gia Lai, trong đó chỉ đạo cụ thể các cơ quan đơn vị thực hiện khắc phục kết luận kiểm toán, phân công trách nhiệm từng sở, ngành địa phương bảo đảm tiến độ khắc phục của UBND tỉnh giao.

2. Số chênh lệch quyết toán NSDP năm 2020 so với số liệu kiểm toán xác định

Thời điểm tổng hợp số liệu của Kiểm toán khu vực 12 đối với ngân sách năm 2020 của tỉnh Gia Lai là ngày **10/6/2021 đến 08/8/2021**.

Trong khoảng thời gian từ ngày **08/8/2021 đến ngày 25/10/2021**, các đơn vị và địa phương đã phối hợp với KBNN và Sở Tài chính đổi chiếu, rà soát số liệu và thực hiện điều chỉnh số thu, chi ngân sách năm 2020 của một số chỉ tiêu như: Điều

chỉnh số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh; điều chỉnh số chi chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020; điều chỉnh chi đầu tư phát triển; điều chỉnh chi thường xuyên của các đơn vị dự toán cấp tỉnh do chưa đủ hồ sơ quyết toán năm 2020...

(*Bảng phân tích số liệu chênh lệch quyết toán NSDP năm 2020 so với số liệu kiểm toán định kèm*)

V. Nội dung báo cáo HĐND tỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán ngân sách nhà nước năm 2020

Theo kiến nghị của Kiểm toán khu vực XII: “*Đề nghị UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến đối với việc UBND tỉnh, UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai chưa trích 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020*”. UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định như sau:

Trên cơ sở Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh. Sau khi có Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 và Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 cho các huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, kinh phí tiền sử dụng đất kế hoạch năm 2020 trích nộp 30% quỹ phát triển đất của tỉnh với số tiền: 177.480 triệu đồng, gồm: Ngân sách cấp tỉnh: 120.690 triệu đồng; ngân sách huyện: 56.700 triệu đồng.

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Tại báo cáo số 169/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Theo đó, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh do hụt thu ngân sách tỉnh năm 2020 nên đề nghị không trích 30% tiền sử dụng đất về Quỹ phát triển đất theo dự toán giao (và trong dự toán năm 2021, ngân sách tỉnh không bố trí kinh phí trích 30% tiền sử dụng đất của năm 2020 về Quỹ Phát triển đất). Do đó, kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho phép UBND tỉnh không trích 30% tiền sử dụng đất năm 2020

- Đối với UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai: Năm 2020 có 14/17 huyện, thị xã đã nộp trích nộp 30% tiền sử dụng đất ngân sách huyện về Quỹ phát triển đất theo đúng quy định. Kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, giao UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai bố trí nguồn nộp đủ 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020./.

BIỂU TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ KTNN NSDP NĂM 2019 CỦA TỈNH GIA LAI

Đơn vị tính: Đồng

TT	Kiến nghị KTNN	Số kiến nghị	Số đã khắc phục	Số chưa khắc phục	Tỉ lệ %
	TỔNG CỘNG	428.902.527.000	396.045.386.880	32.857.140.120	92,3
a	Xử lý tài chính	390.201.057.000	375.681.992.880	14.519.064.120	96,3
1	Tăng thu NSNN	243.411.000	243.411.000	0	100,0
2	Thu hồi chi sai	1.427.314.000	1.427.314.000	0	100,0
3	Giảm dự toán, thanh toán năm sau	169.671.065.000	158.338.072.000	11.332.993.000	93,3
4	Thu hồi kinh phí thừa	196.942.922.000	196.450.421.880	492.500.120	99,7
5	Giảm giá trị hợp đồng	20.507.095.000	17.887.924.000	2.619.171.000	87,2
6	Bổ trợ hoàn trả nguồn	1.409.250.000	1.334.850.000	74.400.000	94,7
b	Giảm lỗ	15.350.297.000	15.350.297.000	0	100,0
c	Kiến nghị khác	23.351.173.000	5.013.097.000	18.338.076.000	21,5

SƠ CHÈNH LỆCH QUYẾT TOÁN NSDP NĂM 2020 SO VỚI SƠ LIỆU KIỂM TOÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

PHẦN THU	Số quyết toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	PHẦN CHI	Số quyết toán	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=1-2	B	4	5	6=4-5
Tổng số thu (A+B)	24.740.053	24.740.073	(20)	Tổng số chi (A+B)	23.417.371	22.907.478	509.893
A. Tổng thu cân đối ngân sách	24.718.806	24.718.825	(20)	A. Tổng số chi cân đối ngân sách	23.386.371	22.876.478	509.893
1. Các khoản thu NSDP thường 100%	2.010.057	2.010.057	-	1. Chi đầu tư phát triển	3.763.375	3.778.229	(14.854)
2. Các khoản thu phản chia theo tỷ lệ %	1.981.037	1.981.037	-	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	121	121	-
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	3. Chi thường xuyên	9.593.781	9.527.308	(3.527)
4. Thu kết dư năm trước	1.077.229	1.077.229	-	4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	131.302	1.400	129.902
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	2.010.492	2.010.492	-	5. Chi nộp ngân sách Trung ương	8.158.057	8.158.057	-
6. Thu viện trợ	-	-	-	6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	1.498.451	1.100.078	398.373
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	17.490.942	17.490.962	(20)	7. Chi nộp lên ngân sách cấp trên	311.284	311.284	-
Trong đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	11.979.024	11.979.024	-				-
- Bổ sung có mục tiêu	5.511.918	5.511.937	(20)				-
8. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên và thu hỗ trợ từ địa phương khác (nếu có)	149.048	149.048	-				-
Kết dư ngân sách năm quyết toán (=thu-chi) ¹	1.322.682	1.842.347	(519.665)				-
B. Vay của ngân sách cấp tỉnh (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)	21.248	21.248	-	B. Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)	31.000	31.000	-
1. Địa phương vay từ nguồn cho vay tại của Chính phủ	21.248	21.248	-	1. Chi trả nợ gốc vay thực hiện chuương trình KCHKM& GTNT từ nguồn kết dư ngân sách tĩnh	31.000	31.000	-
			-	2. Chi từ nguồn khác (vốn huy động tỷ thác)	-	-	-

Ghi chú: Kết dư ngân sách năm quyết toán (=thu-chi) theo số kiểm toán là kết dư thu cân đối (chưa cho số liệu vay và chi trả gốc).

PHÂN TÍCH KẾT DỰ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2020

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP TỈNH.	13.639.323.735.013	
1	Thu NS tỉnh hưởng theo phân cấp.	2.435.809.502.194	
2	Thu bù sung từ NSTW.	9.332.884.822.950	
3	Thu kết dư ngân sách năm trước.	363.871.054.224	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước.	1.349.560.013.290	
5	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên.	135.950.571.348	
6	Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của Chính phủ.	21.247.771.007	
7	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH.	12.953.368.259.445	
1	Chi đầu tư phát triển	1.946.488.710.596	
2	Chi thường xuyên	3.146.078.369.590	
3	Chi bù sung Quỹ Dự trữ Tài chính địa phương.	131.301.877.000	
4	Chi bù sung cho ngân sách cấp dưới.	6.389.031.853.306	
5	Chi chuyển nguồn năm sau	1.147.110.247.561	
6	Chi nộp ngân sách cấp trên	162.235.860.649	
7	Chi trả nợ gốc vay thực hiện chương trình KCHKM>NT từ nguồn tăng thu.	31.000.000.000	
8	Chi trả nợ lãi	121.340.743	
C	KẾT DỰ (A-B)	685.955.475.568	
D	CÁC KHOẢN LOẠI TRỪ KHÔNG TÍNH KẾT DỰ.	685.955.475.568	
I	Kinh phí trung ương bù sung có mục tiêu nhiệm vụ, Chương trình MTQG còn lại chưa chi, kinh phí còn nhiệm vụ chi	685.955.475.568	
1.1	Chương trình mục tiêu quốc gia XDNTM	34.893.866.278	
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	5.026.687.259	
1.3	KP bù sung thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ	646.034.922.031	
	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn, giảm học phí	112.127.276.344	
	Chính sách nội trú đối với HS, SV học cao đẳng, trung cấp	10.794.562.000	
	Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm về an toàn lao động	4.327.474.644	
	Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội	459.370.000	
	Chương trình giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số vùng khó khăn	2.722.238.000	
	Chính sách trợ giúp pháp lý	153.765.330	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin truyền thông	0	
	Chương trình mục tiêu y tế - dân số	1.747.767.188	
	Kinh phí chương trình mục tiêu lâm nghiệp bền vững	1.265.219.276	
	Hỗ trợ kinh phí sản phẩm, dịch vụ công ích thùy lợi	1.304.010.540	
	KP hỗ trợ các công ty lâm nghiệp dùng khai thác gỗ rừng tự nhiên năm 2015, 2016	8.000	
	Kinh phí Cảm mộc biên giới của Ban Chỉ huy quân sự tỉnh	40.288.615.575	
	Quỹ Bảo trì đường bộ	1.137.911.165	
	Kinh phí mua thẻ BHYT	31.759.160.230	
	Kinh phí thực hiện dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.	64.509.000.000	
	Số vốn thuộc kế hoạch vốn năm 2020 và các năm trước đã hết thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định tại Khoản 1 Điều 76 Luật Đầu tư công.	22.088.952.010	
	Kinh phí hỗ trợ người có công khó khăn về nhà ở còn dư không được chuyển nguồn theo quy định tại Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019.	431.312.000	
	Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức cấp xã theo Quyết định số 124/QĐ-TTg	4.903.818.214	
	Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú (hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo ND 116/2016/NĐ-CP) và Kinh phí thực hiện hỗ trợ học sinh bán trú và trường PTDT bán trú (quyết định 85/2010/QĐ-TTg)	6.739.836.116	
	Chênh lệch học bổng học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGDDT	10.062.012.715	
	KP chi trả học bổng hỗ trợ mua sắm phương tiện và đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo TTLT 42	7.479.080.378	
	Tiền ăn trưa trẻ 3,4,5 tuổi	63.739.455.473	
	Hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người D'TTTS theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg	2.363.782.000	
	KP thực hiện chính sách BTXH	14.441.802.750	
	KP hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ	4.600.000.000	
	Hỗ trợ kinh phí cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	810.440.600	
	KP khắc phục hạn bão số 12 năm 2017	35.000	
	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng ngô	728.511.500	
	Chương trình mục tiêu Văn hóa	171.323.466	
	Kinh phí Đàm bảo trật tự an toàn giao thông	1.960.214.057	
	Kinh phí phòng, chống tội phạm, ma túy	7.873.000	
	Kinh phí hỗ trợ an ninh quốc phòng	210.005.000	
	Kinh phí thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg năm 2017, 2018, 2019, 2020	38.483.000.000	
	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	4.145.886.500	
	Kinh phí cải tạo môi trường bãi rác sinh hoạt TP Pleiku còn tồn năm 2020	32.981.000.000	

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	2	3	4
	Hỗ trợ tổ chức đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số	740.000.000	
	Hỗ trợ thực hiện một số đề án, dự án KHCN	91.457.700	
	KP thực hiện đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống nhất trong vùng DTTS giai đoạn 2015-2025:	10.126.000	
	Kinh phí Đại hội Đảng (Văn phòng Tỉnh ủy chưa chi hết)	5.622.876.837	
	Kinh phí chương trình 2085	7.500.000	
	Kinh phí tổ chức Công bố QĐ của TTCP công nhận TP Pleiku là đô thị loại 1	2.000.000	
	Kinh phí thực hiện hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	4.563.086.587	
	Hỗ trợ kinh phí năm 2018 thực hiện Chương trình MTQG phòng, chống bệnh lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020.	191.000.000	
	Kinh phí trả nợ vay	31.000.000.000	
	Vốn đầu tư CTMT QG giảm nghèo bô trí thu hồi vốn ứng trước ngân sách Trung ương	26.053.000.000	
	10% tăng thu tiền thuê đất ngân sách tinh hường để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSĐĐ	8.102.972.429	
	Bô trí hoàn trả nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại nơi địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản	2.942.000.000	
	Kinh phí bán tài sản trên đất của dự án sân gôn Đak Đoa theo Văn bản số 3189/VP-KTTH ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh	22.526.535.500	
	Bô trí kinh phí đối với các khoản an sinh xã hội đề nghị Quyết toán từ năm 2017 đến năm 2020 nhưng Bộ TC chưa chấp nhận và đã trừ tồn quỹ năm 2021 của tỉnh (Tổng kinh phí Bộ TC chưa chấp nhận: Tổng số 109,550 tỷ đồng, theo dõi ở KP theo QĐ 102 của năm 2017, 2018: 33.928 tỷ đồng; còn lại: 75,622 tỷ đồng)	55.237.647.907	
E	KẾT ĐU THỰC (C-D)	0	

Tes